

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT LƯƠNG VĂN CAN

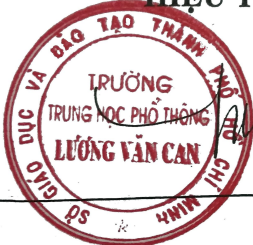
THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế trường THPT
Năm học 2017 - 2018

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1902	661	600	641
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1302 (68.4%)	478 (72.3%)	368 (61.3%)	456 (71.1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	364 (19.1%)	108 (16.3%)	129 (21.5%)	127 (19.8%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	205 (10.7%)	64 (9.7%)	87 (14.5%)	54 (8.4%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	31 (1.6%)	11 (1.7%)	16 (2.7%)	4 (0.6%)
II	Số học sinh chia theo học lực	1902	661	600	641
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	328 (17.2%)	86 (13%)	67 (11.2%)	175 (27.3%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	1005 (52.8%)	344 (52%)	276 (46%)	385 (60.1%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	512 (26.9%)	203 (30.7%)	232 (38.7%)	77 (12%)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	53 (2.8%)	26 (3.9%)	23 (3.8%)	4 (0.6%)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	4 (0.2%)	2 (0.3%)	2 (0.3%)	0 (0.0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1902	661	600	641
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1888 (99.3%)	656 (99.2%)	597 (99.5%)	637 (99.4%)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	328 (17.2%)	86 (13%)	67 (11.2%)	175 (27.3%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	1005 (52.8%)	344 (52%)	276 (46%)	385 (60.1%)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	48 (2.5%)	25 (3.7%)	23 (3.8%)	0 (0.0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	8 (0.4%)	5 (0.7%)	3 (0.5%)	0 (0.0%)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	10/25 (0.5%/1.3%)	2/5 (0.3%/0.7%)	7/15 (1.1%/2.5%)	1/5 (0.1%/0.7%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	12 (0.6%)	4 (0.6%)	6 (1%)	2 (0.3%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	13	5	4	4
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố	13	5	4	4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp		0	0	637
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp		0	0	636
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	617 (97.3%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	949/953	329/332	292/308	328/313
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	176	56	55	65

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 7 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG



Trương Thị Thanh Thủy